

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3758/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn các xã Hiếu Liêm, Trị An và thị trấn Vĩnh An của huyện Vĩnh Cửu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu tại Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 323/TTr-LĐTBXH ngày 09 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn các xã Hiếu Liêm, Trị An và thị trấn Vĩnh An của huyện Vĩnh Cửu, gồm 116 người lao động với số tiền là 116.000.000 đồng (một trăm mười sáu triệu đồng chẵn).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách huyện Vĩnh Cửu (50% dự phòng ngân sách huyện năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách ngân sách huyện).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Vĩnh Cửu chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hòa Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG BỊ MẤT VIỆC
DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĨNH CỬU (BỔ SUNG)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3758 /QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
-----	-----------	----------	------	---------	------------------------------	-------------------	--------------------	------------------------------	---------------------------	--------------------------	---------

1. XÃ HIẾU LIÊM

1	Hồ Văn Hùng	1966	271686203	Ấp 1	Phụ bán quán cafe	Ấp 1, xã Hiếu Liêm	01/04/2020		1.000.000		
2	Hồ Thị Bảo Thoa	1993	272164843	Ấp 2	Phụ bán quán giải khát	TT. Vĩnh An	01/04/2020		1.000.000		
3	Trần Thị Luyến	1992	272175082	Ấp 2	Phụ bán quán giải khát	Ấp 2, xã Hiếu Liêm	01/04/2020		1.000.000		

2. XÃ TRI AN

4	Đoàn Minh Thảo	1964	271734338	Ấp 1	Phụ nấu ăn dịch vụ	Ấp 1, xã Tri An	01/04/2020		1.000.000		
5	Huỳnh Văn Hoa	1945	270385692	Ấp 2	Lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Ấp 2, xã Tri An	01/04/2020		1.000.000		

3. TT VĨNH AN

6	Trần Đức Trung	1990	271907729	Tổ 1, KP1	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách	Tổ 1, KP1	01/04/2020		1.000.000		
---	----------------	------	-----------	-----------	--------------------------------	-----------	------------	--	-----------	--	--

STT	STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
7	2	Nguyễn Hồng Tuyết	1973	22718457	Tổ 1, KP1	Bán hàng rong	Tổ 1, KP1	01/04/2020		1.000.000		
8	3	Nguyễn Thị Phương	1969	271549961	Tổ 1, KP1	Bán hàng rong	Tổ 1, KP1	01/04/2020		1.000.000		
9	4	Phạm Thị Chữ	1965	272495662	tổ 10, KP 1	Phụ vụ quán ăn	tổ 10, KP 1	01/04/2020		1.000.000		
10	5	Nguyễn Minh Đông	1991	271080497	Tổ 13, KP1	Thu gom phế liệu bán lại	Tổ 13, KP1	01/04/2020		1.000.000		
11	6	Nguyễn Thị Hải	1984	272192094	Tổ 17, KP1	Phụ bán quán ăn	Tổ 17, KP1	01/04/2020		1.000.000		
12	7	Nguyễn Long Bình	1982	271572604	Tổ 16, KP1	Bán hàng rong	Tổ 16, KP1	01/04/2020		1.000.000		
13	8	Âu Thị Vương	1975	272654426	tổ 18, KP 1	Phục vụ nấu ăn	tổ 18, KP 1	01/04/2020		1.000.000		
14	9	Hoàng Văn Miên	1958	271744996	Tổ 10, KP2	Phụ bán nước giải khát	Tổ 10, KP2	01/04/2020		1.000.000		
15	10	Nguyễn Thị Thom	1972	270909496	Tổ 13, KP2	Phụ bán quán giải khát	Tổ 13, KP2	01/04/2020		1.000.000		
16	11	Tạ Trường Phong	2002	276046781	Tổ 22, KP2	Thu gom phế liệu bán lại	Tổ 22, KP2	01/04/2020		1.000.000		
17	12	Nguyễn Thị Nga	1970	270779084	Tổ 1, KP2	Bán hàng rong	Tổ 1, KP2	01/04/2020		1.000.000		
18	13	Nguyễn Thị Hồng Thảo	1990	272277529	Tổ 2, KP2	Bán hàng rong	Tổ 2, KP2	01/04/2020		1.000.000		

STT	STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
19	14	Trương Tuyết Hoa	1965	270678377	Tổ 2, KP2	Bán hàng rong	Tổ 2, KP2	01/04/2020		1.000.000		
20	15	Nguyễn Trọng Hiếu	1990	272230135	Tổ 2, KP2	Lái xe mô tô hai bánh chở khách	Tổ 2, KP2	01/04/2020		1.000.000		
21	16	Phạm Thị Bích Thủy	1987	272712438	Tổ 22, KP2	Bán hàng rong	Tổ 22, KP2	01/04/2020		1.000.000		
22	17	Đặng Văn Hiền	1966	271468904	tổ 4, KP3	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách	tổ 5, KP3	01/04/2020		1.000.000		
23	18	Nguyễn Thị Thơm	1980	270909496	Tổ 13, KP3	Phụ quán ăn	Tổ 13, KP3	01/04/2020		1.000.000		
24	19	Bùi Văn Quý	1976	272349512	Tổ 2, KP3	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách	Tổ 2, KP3	01/04/2020		1.000.000		
25	20	Trần Thị Giang	1986	162663575	Tổ 2, KP3	Phục vụ ăn uống	Tổ 2, KP3	01/04/2020		1.000.000		
26	21	Trần Văn Thanh	1973	271019547	tổ 5, KP3	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách	tổ 5, KP3	01/04/2020		1.000.000		
27	22	Đặng Văn Thiện	1972	270374152	tổ 4 B, KP3	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách	Tổ 4b, KP3	01/04/2020		1.000.000		
28	23	Trần Thị Hoàn	1970	272739483	Tổ 6, KP3	Phục vụ nhà hàng ăn uống	Tổ 6, KP3	01/04/2020		1.000.000		
29	24	Võ Thị Thanh Phương	1995	272353733	Tổ 10B, KP3	Bán hàng rong	Tổ 3, KP3	01/04/2020		1.000.000		
30	25	Nguyễn Thị Sơn	1963	31210020274	Tổ 7B, KP3	Bán hàng rong	Tổ 7B, KP3	01/04/2020		1.000.000		

STT	STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
31	26	Lê Mạnh Hùng	1959	272232371	Tổ 8, KP3	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách	Tổ 8, KP3	01/04/2020		1.000.000		
32	27	Trương Thị Vinh	1961	270729273	Tổ 8, KP3	Bán hàng rong	Tổ 8, KP3	01/04/2020		1.000.000		
33	28	Đào Thị Ngân	1980	272765894	Tổ 8, KP3	Bán hàng rong	Tổ 8, KP3	01/04/2020		1.000.000		
34	29	Bùi Văn Bình	1974	271432853	Tổ 7, KP3	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách	Tổ 7, KP3	01/04/2020		1.000.000		
35	30	Nguyễn Thị Thanh Nghiêm	1962	272793336	Tổ 1, KP3	Bán hàng rong	Tổ 1, KP3	01/04/2020		1.000.000		
36	31	Nguyễn Thị Thu Hà	1974	272353898	Tổ 12, KP3	Phục vụ nhà hàng ăn uống	Tổ 12, KP3	01/04/2020		1.000.000		
37	32	Đoàn Thị Phú	1977	271877778	Tổ 11, KP3	Bán hàng rong	Tổ 13, KP3	01/04/2020		1.000.000		
38	33	Ngô Thị Thuýn	1979	125337988	Tổ 3, KP4	Thu gom phế liệu bán lại	Tổ 3, KP4	01/04/2020		1.000.000		
39	34	Nguyễn Thị Thanh Thúy	1973	272873308	Tổ 5, KP4	Bán hàng rong	Tổ 5, KP4	01/04/2020		1.000.000		
40	35	Nguyễn Ngọc Thu	1965	270639230	Tổ 3, KP4	Bán hàng rong	Tổ 3, KP4	01/04/2020		1.000.000		
41	36	Nguyễn Thị Kim Tiên	1982	280787598	Tổ 9, KP4	Bán hàng rong	Tổ 9, KP4	01/04/2020		1.000.000		
42	37	Nguyễn Thị Lựu	1947	272362874	Tổ 7, KP5	bán hàng rong	Tổ 7, KP 5	01/04/2020		1.000.000		

STT	STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
43	38	Phạm Thị Thu An	1973	271089241	Tổ 8, KP5	bán hàng rong	Tổ 8, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
44	39	Nguyễn Thị Hiền	1975	272515093	Tổ 18, KP 5	bán hàng ăn nhỏ lẻ	Tổ 16, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
45	40	Nguyễn Thị Liên	1958	272618517	Tổ 16, KP 5	Phụ quán nước giải khát	Tổ 16, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
46	41	Nguyễn Văn thiện	1972	271514376	Tổ 18, KP 5	bán hàng ăn	Tổ 18, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
47	42	Hoàng Trọng Phúc	1999	272618248	Tổ 20, KP 5	Phục vụ nhà hàng ăn uống	Tổ 20, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
48	43	Lê Thị Thu Bình	1966	272105602	Tổ 16, KP 5	bán hàng ăn nhỏ lẻ	Tổ 16, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
49	44	Phùng Thị Mai	1961	272618653	Tổ 9, KP 5	Bán hàng rong	Tổ 9, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
50	45	Bùi Thị Sỹ	1959	272175726	Tổ 16, KP 5	Phụ bán quán ăn	Tổ 10, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
51	46	Trần Thanh Giang	1999	272736245	Tổ 16, KP 5	Phục vụ ăn uống	Tổ 18, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
52	47	Nguyễn Thị Mai	1963	272175432	Tổ 18, KP 5	Bán hàng rong	Tổ 18, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
53	48	Nguyễn Ngọc Nô	1983	272751549	Tổ 9, KP 5	Bán quán ăn nhỏ lẻ	Tổ 9, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
54	49	Nguyễn Mạnh Hùng	1960	271474275	Tổ 17, KP 5	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Tổ 1, KP 5	01/04/2020		1.000.000		

	STT	STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
	55	50	Đinh Công Phú	1969	271582346	Tổ 22, KP 5	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Tổ 22, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
	56	51	Nguyễn Thị Thu Chi	1962	270372694	Tổ 18, KP 5	Thu gom phế liệu bán lại	Tổ 18, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
	57	52	Nguyễn Trọng Khôi	1954	272362813	Tổ 26, KP 5	Phục vụ quán cà phê	Tổ 26, KP 5	01/04/2020		1.000.000		
	58	53	Nguyễn Thị Đông	1970	272515467	Tổ 17, KP5	bán hàng rong (chuối chiên)	Tổ 16, KP5	01/04/2020		1.000.000		
	59	54	Nguyễn Thị Dương Ánh	1977	271378004	Tổ 2, KP5	Bán quán ăn nhỏ lẻ	Tổ 2, KP5	01/04/2020		1.000.000		
	60	55	Phạm Văn Thành	1969	168044300	Tổ 7, KP6	Phụ bán quán ăn	Tổ 7B, KP6	01/04/2020		1.000.000		
	61	56	Vũ Thị Kim Giang	1977	25177000601	Tổ 7, KP6	Phụ bán quán ăn	Tổ 7B, KP6	01/04/2020		1.000.000		
	62	57	Trần Thị Thúy Đào	1983	271527005	Tổ 7A, KP6	Bán hàng rong	Tổ 7A, KP6	01/04/2020		1.000.000		
	63	58	Nguyễn Thị Mai	1974	271783792	Tổ 8, KP6	Phụ bán quán ăn	Tổ 8, KP6	01/04/2020		1.000.000		
	64	59	Mai Thị Tốt	1985	271656728	Tổ 7B, KP6	Phụ bán quán ăn	Tổ 7B, KP6	01/04/2020		1.000.000		
	65	60	Phan Thị Thắm	1949	272441254	Tổ 7, KP6	Bán nước giải khát	Tổ 7B, KP6	01/04/2020		1.000.000		
	66	61	Hoàng Thị Tuyết	1966	272654456	Tổ 7A, KP6	Phụ bán quán ăn	Tổ 7A, KP6	01/04/2020		1.000.000		

STT	STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
67	62	Nguyễn Thị Loan	1958	271582344	Tổ 7A, KP6	Thu gom phế liệu bán lại	Tổ 7A, KP6	01/04/2020		1.000.000		
68	63	Hà Thị Hiền	1985	272464498	Tổ 6B, KP6	Phụ nấu ăn	Tổ 6B, KP6	01/04/2020		1.000.000		
69	64	Lương Thị Nhung	1972	271582239	Tổ 5 A, KP6	Phụ nấu ăn	Tổ 5 A, KP6	01/04/2020		1.000.000		
70	65	Đỗ Thị Hồng Hạnh	1967	191019969	Tổ 5 A, KP6	Phụ nấu ăn	Tổ 5 A, KP6	01/04/2020		1.000.000		
71	66	Vũ Thị Hoa	1989	272080768	Tổ 4A, KP6	Phụ bán quán ăn	Tổ 4A, KP6	01/04/2020		1.000.000		
72	67	Vũ Duy Tuấn	1991	271978270	Tổ 4A, KP6	Thu gom phế liệu bán lại	Tổ 4A, KP6	01/04/2020		1.000.000		
73	68	Lê Thị Mai	1972	270967960	Tổ 7A, KP6	Bán hàng rong	Tổ 7A, KP6	01/04/2020		1.000.000		
74	69	Lê Mạnh Hoàn	1990	271907707	Tổ 4A, KP6	Phụ nấu ăn	Tổ 4A, KP6	01/04/2020		1.000.000		
75	70	Lê Thị Thu Thảo	1992	272414398	Tổ 4A, KP6	Phụ nấu ăn	Tổ 4A, KP6	01/04/2020		1.000.000		
76	71	Nguyễn Thị Kha	1965	271978925	Tổ 2B, KP6	Phụ nấu ăn	Tổ 2B, KP6	01/04/2020		1.000.000		
77	72	Vũ Thị Thanh Xuân	1964	271843396	Tổ 2A, KP6	Phụ nấu ăn	KP6	01/04/2020		1.000.000		
78	73	Nguyễn Thị Huệ	1960	271843805	Tổ 9A, KP6	Phụ nấu ăn nhà hàng ăn uống	Tổ 9A, KP6	01/04/2020		1.000.000		

STT	STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
79	74	Nông Thị Quyên	1963	271156076	Tổ 9A, KP6	Bán hàng rong	KP6	01/04/2020		1.000.000		
80	75	Phạm Thị Nguyệt	1960	272495829	Tổ 11, KP6	Phụ bán quán ăn	Tổ 11, KP6	01/04/2020		1.000.000		
81	76	Nguyễn Thị Quy	1972	272294400	Tổ 1A, KP6	Phụ bán quán ăn	KP6	01/04/2020		1.000.000		
82	77	Nguyễn Thị Bắc	1973	245370084	Tổ 2, KP6	Phụ nấu ăn	KP6	01/04/2020		1.000.000		
83	78	Nguyễn Thị Chinh	1962	271879948	Tổ 3, KP6	Phụ quán ăn	Tổ 3, KP6	01/04/2020		1.000.000		
84	79	Phan Đăng Phúc	1957	272362288	Tổ 3, KP6	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách	Tổ 7 A, KP6	01/04/2020		1.000.000		
85	80	Phạm Thị Thuần	1970	272362821	Tổ 9, KP 7	Thu gom phế liệu bán lại	Tổ 9, KP 7	01/04/2020		1.000.000		
86	81	Tạ Thị Văn Anh	1985	271725094	Tổ 4, KP7	Phụ Quán ăn	Tổ 4, KP7	01/04/2020		1.000.000		
87	82	Phan Thị Hiệp	1957	271582160	Tổ 2A, KP7	Phụ Quán ăn	Tổ 2A, KP7	01/04/2020		1.000.000		
88	83	Nguyễn Thị Tường Vy	1988	271828789	Tổ 4, KP7	Phụ Quán ăn	Tổ 4, KP7	01/04/2020		1.000.000		
89	84	Lầy Kim Khênh	1967	271686459	Tổ 4, KP7	Phụ Quán ăn	Tổ 4, KP7	01/04/2020		1.000.000		
90	85	Nguyễn Đức Thắng	1975	271387706	Tổ 1B, KP7	Phụ Quán ăn	Tổ 1B, KP7	01/04/2020		1.000.000		

STT	STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
91	86	Nguyễn Văn Điều	1958	272279127	Tổ 2B, KP7	Phụ Quán ăn	Tổ 2B, KP7	01/04/2020		1.000.000		
92	87	Tạ Thị Ngọc	1987	271842170	Tổ 4, KP7	Phụ Quán ăn	Tổ 4, KP7	01/04/2020		1.000.000		
93	88	Hồ Chồng Kháy	1986	271725145	Tổ 4, KP7	Phụ Quán ăn	Tổ 4, KP7	01/04/2020		1.000.000		
94	89	Đặng Ngọc Thuận	1960	272441959	Tổ 2, KP 8	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách	Tổ 2, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
95	90	Đào Thị Chính	1965	272793795	Tổ 6B, KP 1	Phụ quán ăn	Tổ 6B, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
96	91	Nguyễn Thị Thu Thảo	1996	272441069	Tổ 7C, KP 8	Bán hàng rong	Tổ 7C, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
97	92	Phạm Xuân Trung	1997	272617972	Tổ 7C, KP 8	Phụ quán ăn	Tổ 7C, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
98	93	Nguyễn Thị Thùy Linh	1992	272873703	Tổ 7C, KP 8	bán hàng rong	Tổ 7C, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
99	94	Trần Thị Thanh Thảo	1984	271627837	Tổ 8A, KP 8	Phụ quán ăn	Tổ 8A, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
100	95	Phùng Thị Xuân Thùy	1985	271843753	Tổ 8B, KP 8	Bán hàng ăn	Tổ 8B, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
101	96	Đậu Thị Na	1990	183724186	Tổ 6B, KP 8	Phục vụ nhà hàng	Tổ 6B, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
102	97	Nguyễn Thị Tinh	1985	272955964	Tổ 6B, KP 8	Phụ quán ăn	Tổ 6B, KP 8	01/04/2020		1.000.000		

STT	STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
103	98	Phạm Thị Loan	1961	272026968	Tổ 6, KP 8	Phụ quán ăn	Tổ 6, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
104	99	Danh Văn Cường	1966	272793406	Tổ 9, KP8	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách	Tổ 9A, KP8	01/04/2020		1.000.000		
105	100	Danh Văn Hoàng	1975	272793368	Tổ 9, KP8	lái xe mô tô hai bánh chở khách	Tổ 9A, KP8	01/04/2020		1.000.000		
106	101	Danh Văn Thanh	1975	271432442	Tổ 9A, KP8	lái xe mô tô hai bánh chở khách	Tổ 9A, KP8	01/04/2020		1.000.000		
107	102	Lê Quang Nho	1964	271021819	Tổ 8B, KP 8	Phụ bán quán ăn	Tổ 8B, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
108	103	Nguyễn Hạnh	1966	270639072	Tổ 8A, KP 8	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách	Tổ 8A, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
109	104	Đặng Thị Hạnh	1967	270659980	Tổ 8, KP 8	Phục vụ nhà hàng ăn uống	Tổ 8, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
110	105	Nguyễn Thị Nữ	1980	272362839	Tổ 7C, KP 8	Phụ vụ nhà hàng ăn uống	Tổ 7C, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
111	106	Thân Quang Bình	1965	272751960	Tổ 3C, KP 8	Bán nước giải khát nhỏ lẻ	Tổ 3C, KP 8	01/04/2020		1.000.000		
112	107	Trần Thị Lan	1949	271925531	Tổ 1, KP8	thu gom phế liệu	Tổ 1, KP8	01/04/2020		1.000.000		
113	108	Nguyễn Văn Chính	1972	272515666	Tổ 3B, KP8	lái xe mô tô hai bánh chở khách	Tổ 3B, KP8	01/04/2020		1.000.000		
114	109	Đoàn Thị Liễu	1982	272654605	Tổ 7C, KP8	Phục vụ nhà hàng ăn uống	Tổ 7C, KP8	01/04/2020		1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
115	Trần Thị Thanh	1984	271572748	Tổ 8B, KP8	Phụ quán nước giải khát	Tổ 8B, KP8	01/04/2020		1.000.000		
116	Hoàng Thị Huệ	1967	270639109	Tổ 2, KP8	Phụ nấu ăn nhà hàng ăn uống	Tổ 2, KP8	01/04/2020		1.000.000		
Tổng cộng: 116 đối tượng									116.000.000		

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Tổng số tiền hỗ trợ: 116.000.000 đồng
(Một trăm mười sáu triệu đồng chẵn)



Nguyễn Hòa Hiệp